|  |  |  |  |  |  |  |  |  |  |
| --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- | --- |
| **MÃ ĐKXT** | **NGÀNH ĐÀO TẠO** | **TỔ HỢP** | **ĐIỂM TRÚNG TUYỂN** | | | | | | |
| **XÉT TUYỂN** | **Phương thức 2** | | | | **PT3** | **PT4** | **PT5** |
|  | **Diện XT1** | **Diện XT2** | **Diện XT3** | **Diện XT4** |
| **Đại học** | **Chương trình chuẩn** | | | | | | | | |
| 7340101 | Quản trị kinh doanh | A00, A01, D01, D96 | 27,5 | 24 | 24 | 26 | 28 | 850 | 250 |
| 7340115 | Marketing | A00, A01, D01, D96 | 28,5 | 27 | 28 | 28 | 28,8 | 920 | 300 |
| 7340116 | Bất động sản | A00, A01, D01, D96 | 26 | 22 | 22 | 25 | 27,5 | 700 | 250 |
| 7340120 | Kinh doanh quốc tế | A00, A01, D01, D96 | 28,5 | 25 | 26 | 28 | 28,8 | 900 | 250 |
| 7340201 | Tài chính – Ngân hàng | A00, A01, D01, D96 | 28 | 23 | 23 | 27 | 28,5 | 880 | 280 |
| 7340301 | Kế toán | A00, A01, D01, D96 | 27,5 | 23 | 23 | 27 | 28,2 | 850 | 250 |
| 7310101 | Kinh tế | A00, A01, D01, D96 | 28 | 24 | 24 | 27 | 28 | 850 | 250 |
| 7380107 | Luật kinh tế | A00, A01, D01, D96 | 28 | 25 | 25 | 27 | 28,5 | 780 | 250 |
| 7310108 | Toán kinh tế | A00, A01, D01, D96 | 27 | 24 | 24 | 26 | 27 | 800 | 250 |
| 7220201 | Ngôn ngữ Anh | D01, D72, D78, D96 (điểm bài thi tiếng Anh nhân hệ số 2) | 27 | 24 | 24 | 26 | 27,2 | 780 | 250 |
| 7340405 | Hệ thống thông tin quản lý | A00, A01, D01, D96 | 27 | 21 | 21 | 26 | 27,5 | 850 | 250 |
| 7340205 | Công nghệ tài chính | A00, A01, D01, D96 | 28 | 24 | 24 | 27 | 28 | 860 | 250 |
| **Đại học** | **Chương trình đặc thù** | | | | | | | | |
| 7810103\_DT | Quản trị dịch vụ du lịch và lữ hành | D01, D72, D78, D96 | 26 | 21 | 21 | 26 | 27,2 | 750 |  |
| 7810201\_DT | Quản trị khách sạn | D01, D72, D78, D96 | 26 | 21 | 21 | 26 | 26,5 | 750 |  |
| 7810202\_DT | Quản trị nhà hàng và dịch vụ ăn uống | D01, D72, D78, D96 | 26 | 21 | 21 | 26 | 26,5 | 700 |  |
| **Đại học** | **Chương trình tiếng Anh toàn phần** | | | | | | | | |
| 7340101\_TATP | Quản trị kinh doanh | A00, A01, D01, D96 | 26 | 24 | 24 | 26 | 27 | 700 | 230 |
| 7340115\_TATP | Marketing | A00, A01, D01, D96 | 27 | 24 | 24 | 27,5 | 27,5 | 820 | 230 |
| 7340120\_TATP | Kinh doanh quốc tế | A00, A01, D01, D96 | 26,5 | 24 | 24 | 27 | 28 | 850 | 250 |
| **Đại học** | **Chương trình tích hợp** | | | | | | | | |
| 7340101\_TH | Quản trị kinh doanh | A00, A01, D01, D96 | 24 | 24 | 24 | 24 | 26 | 700 | 250 |
| 7340115\_TH | Marketing | A00, A01, D01, D96 | 28 | 22 | 22 | 26 | 28 | 800 | 250 |
| 7340301\_TH | Kế toán | A00, A01, D01, D96 | 24 | 21 | 21 | 24 | 26,8 | 700 | 250 |
| 7340201\_TH | Tài chính – Ngân hàng | A00, A01, D01, D96 | 26,5 | 21 | 21 | 26 | 26,8 | 700 | 250 |
| 7340120\_TH | Kinh doanh quốc tế | A00, A01, D01, D96 | 27 | 21 | 21 | 26 | 27,2 | 750 | 250 |

**Ghi chú:**Tổ hợp xét tuyển (\*) không áp dụng đối với các phương thức 4 và 5.

**1. Phương thức 1: Tuyển thẳng và ưu tiên xét tuyển theo Quy chế tuyển sinh của Bộ Giáo dục và Đào tạo (mã phương thức: 301)**

Thí sinh tra cứu danh sách đủ điều kiện trúng tuyển tại https://dms.ufm.edu.vn/

**2. Phương thức 2: Xét tuyển học sinh có kết quả học tập THPT tốt (mã phương thức: 201)**

a) Diện xét tuyển 1: Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 có học lực Giỏi trở lên năm lớp 10, năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12.

b) Diện xét tuyển 2: Học sinh học đầy đủ và tốt nghiệp THPT năm 2024 tại các trường chuyên, năng khiếu trực thuộc tỉnh/thành phố/đại học có điểm trung bình mỗi môn học trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 10, năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 từ 7,0 điểm trở lên.

c) Diện xét tuyển 3: Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 đoạt giải nhất, nhì, ba trong kỳ thi học sinh giỏi, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp tỉnh/thành phố trở lên hoặc là thành viên đội tuyển của trường/tỉnh/thành phố tham dự kỳ thi học sinh giỏi quốc gia, cuộc thi khoa học, kỹ thuật cấp quốc gia có điểm trung bình mỗi môn học trong tổ hợp xét tuyển của năm lớp 10, năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12 từ 6,0 điểm trở lên.

Ghi chú: Thí sinh chọn giải thưởng cao nhất đạt được trong 03 năm lớp 10, 11, 12 để đăng ký xét tuyển (ĐKXT); không áp dụng đối với học sinh đạt giải thưởng các kỳ thi Olympic cấp trường/tỉnh/thành phố, kỳ thi học sinh giỏi giải toán trên máy tính Casio.

d) Diện xét tuyển 4: Học sinh tốt nghiệp THPT năm 2024 có điểm tiếng Anh quốc tế IELTS từ 5.5 trở lên hoặc Chứng chỉ tiếng Anh bậc 4/6 trở lên theo Khung năng lực ngoại ngữ 6 bậc dùng cho Việt Nam do các cơ sở giáo dục được phép cấp còn thời hạn hiệu lực tính đến ngày Trường nhận hồ sơ ĐKXT và học lực Khá trở lên năm lớp 10, năm lớp 11, học kỳ 1 lớp 12.

- Điểm trúng tuyển áp dụng chung cho các tổ hợp xét tuyển của ngành và chương trình đào tạo, và bao gồm các mức điểm ưu tiên áp dụng cho thí sinh hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (bao gồm đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên) theo quy định hiện hành.

- Tiêu chí xét tuyển phụ: trường hợp thí sinh bằng điểm trúng tuyển ở cuối danh sách thì Trường xét ưu tiên theo thứ tự Diện xét tuyển từ 1 xuống 4 của Phương thức xét tuyển, nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu thì áp dụng các tiêu chí phụ theo thứ tự điểm môn Toán, điểm/chứng chỉ tiếng Anh, kết quả bài thi SAT (nếu có) có điểm cao hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu. Nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu, Trường ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng trúng tuyển cao hơn.

- Cách tính điểm xét tuyển:

Điểm xét tuyển = Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển + Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực (nếu có)

Trong đó:

+ Điểm xét tuyển, Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển được tính theo thang điểm 30 và làm tròn đến hai chữ số thập phân.

+ Đối với ngành Ngôn ngữ Anh, điểm trung bình môn tiếng Anh được nhân hệ số 2, sau đó quy Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển về thang điểm 30 trước khi xét trúng tuyển bằng cách lấy Tổng điểm trung bình theo tổ hợp xét tuyển của thí sinh nhân với 3, rồi chia cho 4.

+Điểm ưu tiên đối tượng, khu vực: áp dụng theo quy định trong Quy chế tuyển sinh hiện hành.

**3. Phương thức 3: Xét tuyển kết quả học tập THPT theo tổ hợp môn (mã phương thức: 202)**

- Điểm trúng tuyển áp dụng chung cho các tổ hợp xét tuyển của ngành và chương trình đào tạo, và bao gồm các mức điểm ưu tiên áp dụng cho thí sinh hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (bao gồm đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên) theo quy định hiện hành.

- Tiêu chí xét tuyển phụ: trường hợp thí sinh bằng điểm trúng tuyển ở cuối danh sách thì Trường áp dụng các tiêu chí phụ theo thứ tự điểm môn Toán, điểm/chứng chỉ tiếng Anh, kết quả bài thi SAT (nếu có) có điểm cao hơn cho đến khi đủ chỉ tiêu. Nếu vẫn còn vượt chỉ tiêu, Trường ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng trúng tuyển cao hơn.

- Cách tính điểm xét tuyển: áp dụng tương tự theo quy định tại Phương thức 2.

**4. Phương thức 4: Xét tuyển dựa vào kết quả kỳ thi ĐGNL của ĐHQG TP.HCM năm 2024 (mã phương thức: 402)**

- Điểm trúng tuyển đã bao gồm các mức điểm ưu tiên áp dụng cho thí sinh hưởng chính sách ưu tiên trong tuyển sinh (bao gồm đối tượng ưu tiên, khu vực ưu tiên) theo quy định hiện hành.

- Tiêu chí xét tuyển phụ: trường hợp thí sinh bằng điểm trúng tuyển ở cuối danh sách thì Trường sử dụng tiêu chí xét tuyển ưu tiên thí sinh có thứ tự nguyện vọng trúng tuyển cao hơn.